

PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG HIỆP ĐỊNH VKFTA

(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số/TTr-BTC ngày tháng năm 2022)

1. Đánh giá tổng thể

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Dự thảo Nghị định đã đảm bảo được các yêu cầu sau:

- *Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp:* Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó có chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định VKFTA là nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Hải quan năm 2014.

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật:* Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định VKFTA giai đoạn 2022-2027 đã được rà soát, đảm bảo tương thích, đồng bộ với các Luật, Nghị định liên quan như Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Luật Thương mại.

- *Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:* Các nội dung của dự thảo Nghị định đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định VKFTA và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Việc ban hành Nghị định theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 5 năm sẽ hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

2. Đánh giá tình hình thực thi Hiệp định VKFTA

Nghị định số 149/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo lộ trình cam kết tại Hiệp định VKFTA, áp dụng cho giai đoạn 2018 - 2022. Việc ban hành Nghị định theo đúng lộ trình cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo quy định của Hiệp định và theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam đã góp phần hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

Hiệp định VKFTA có hiệu lực kể từ ngày 20/12/2015. Theo cam kết của Hiệp định, thuế nhập khẩu được cắt giảm đều theo lộ trình, bắt đầu từ năm 2015 trở đi. Đến năm 2018, mức thuế suất thuế nhập khẩu trung bình toàn biểu là 4,43%, đến năm 2021 là 3,77%. Thuế suất cuối lộ trình (2029) là 3,76%.

Về kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, thống kê hải quan cho thấy, số liệu nhập khẩu trung bình giai đoạn 2018 - 2021 đạt 49,3 tỷ USD. Theo đó, năm 2021 giá trị nhập khẩu tăng 20% so với năm 2020, từ khoảng 46,9 tỷ USD lên 56,1 tỷ USD. Nhập khẩu giai đoạn 2018 - 2021 từ Hàn Quốc chiếm trung bình 18,9% tỷ trọng nhập khẩu thế giới, tuy nhiên năm 2021 có sự sụt giảm về tỷ trọng năm 2021 so với 2020 giảm từ 19,9% xuống còn 17%. Như vậy, mặc dù có sự sụt giảm về tỷ trọng nhập khẩu so với thế giới trong năm 2021, tuy nhiên Hàn Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn của Việt Nam (đứng thứ 2 sau Trung Quốc).

Diện mặt hàng nhập khẩu chính từ Hàn Quốc (có giá trị từ 100 triệu USD trở lên): Trong cơ cấu nhập khẩu năm 2021, các mặt hàng nhập khẩu chính từ thị trường Hàn Quốc gồm nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (20,3 tỷ USD); điện thoại các loại, (10,7 tỷ USD), máy móc thiết bị (6,1 tỷ USD) xăng (khoảng 1 tỷ USD), chất dẻo và sản phẩm từ chất dẻo (3,9 tỷ USD), sắt thép, kim loại khác, nguyên phụ liệu dệt may da giày. Số liệu tham khảo tại Bảng 1.

Bảng 1: Các nhóm hàng nhập khẩu chính từ thị trường Hàn Quốc

Nhóm hàng	Giá trị nhập khẩu 2021 (tỷ USD)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	20,3
Điện thoại các loại và linh kiện	10,7
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	6,1
Chất dẻo nguyên liệu	2,3
Kim loại thường khác	1,8
Vải các loại	1,8
Sản phẩm từ chất dẻo	1,6
Sắt thép các loại	1,6
Linh kiện, phụ tùng ô tô	1,3

Sản phẩm hóa chất	1,3
Xăng dầu các loại	1,0

Về tỷ lệ hàng hóa đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt VKFTA (có Giấy chứng nhận xuất xứ C/O mẫu VK), trung bình giai đoạn 2018 - 2021 đạt khoảng 3,62% tổng kinh ngạch từ Hàn Quốc (trung bình khoảng 1,8 tỷ USD), tăng dần từ 2,62% (năm 2018) lên 4,28% (năm 2021). Có thể nhận định tác động từ việc thực hiện VKFTA lên việc tận dụng ưu đãi thuế trong giai đoạn 2018 đến 2021 là không đáng kể. Tuy nhiên, tỷ lệ hưởng ưu đãi (tỷ lệ C/O mẫu VK) đã cho thấy sự tăng trưởng trong giai đoạn trên, đồng thời tỷ lệ này có thể chưa được thống kê đầy đủ do số nợ C/O mẫu AK của doanh nghiệp.

Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất VKFTA (có giá trị nhập khẩu trên 50 triệu USD) bao gồm các mặt hàng là xăng dầu, chất dẻo, máy móc, thiết bị phụ tùng, sản phẩm dầu mỏ, hàng hóa khác (thịt gia cầm, đồ uống,...),....

Bảng 2: Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất VKFTA

Nhóm hàng	Giá trị nhập khẩu 2021 hưởng form VK (triệu USD)
Xăng dầu các loại	629,3
Chất dẻo nguyên liệu	610,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	127,2
Hàng hóa khác (thịt gia cầm, đồ uống,...)	109,5
Sản phẩm từ chất dẻo	104,5
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	101,8
Giấy các loại	74,0
Sắt thép các loại	72,5
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	63,7
Sản phẩm hóa chất	58,7
Ô tô nguyên chiếc các loại	56,3
Linh kiện, phụ tùng ô tô	55,6

Về số thu thuế nhập khẩu theo form VKFTA, số thu của Việt Nam giai đoạn 2018 - 2021 đạt mức trung bình khoảng 780 tỷ VND. Trong đó có giai đoạn tăng từ 718 tỷ VND (năm 2018) lên 941 tỷ VND (năm 2019), sau đó giảm còn 604 tỷ năm 2021. Như vậy, có thể thấy việc thực hiện cam kết trong VKFTA đồng nghĩa với việc giảm thuế theo lộ trình, cùng với sự ảnh hưởng của dịch bệnh, số thu giai đoạn 2019 - 2021 giảm.

Bảng 3: Một số mặt hàng chính tăng/giảm thu từ Hàn Quốc (tỷ VND)

Nhóm mặt hàng tăng thu	Thu NK 2018	Thu NK 2021	Tăng thu
Ô tô nguyên chiếc các loại	13,1	84,1	71,0
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	53,5	77,8	24,3
Sắt thép các loại	5,0	25,8	20,7
Giấy các loại	3,2	7,8	4,6

Nhóm mặt hàng giảm thu	Thu NK 2018	Thu NK 2021	Giảm thu
Phân bón các loại	372,7	220,5	-152,2
Hàng điện gia dụng và linh kiện	77,4	37,7	-39,8
Hàng hóa khác (thịt gia cầm,...)	47,9	16,1	-31,9
Xăng dầu các loại	12,6	3,1	-9,5

3. Đánh giá tác động của điều chỉnh biểu thuế

- Do biểu thuế được xây dựng trên cơ sở bám sát cam kết tại Hiệp định nên về cơ bản thuế suất không thay đổi so với lộ trình đã cam kết. Tuy nhiên, do tác động của việc nhập dòng thuế, nguyên tắc tuân thủ các Hướng dẫn chuyển đổi của các Ủy ban thực thi Hiệp định, một số dòng thuế sau khi nhập dòng có mức ưu đãi hơn so với Nghị định 149/2017/NĐ-CP, đồng thời việc phân mã và mô tả hàng hoá theo AHTN 2022 đòi hỏi chi tiết hoá thêm một số dòng thuế ở cấp độ trên 8 số để bảo lưu cam kết gốc của Việt Nam tại các Hiệp định.

- Về cơ bản, phần lớn các mã hàng trong Biểu thuế không thay đổi so với Biểu thuế theo Nghị định số 149/2017/NĐ-CP hiện hành. Như vậy, việc ban hành Nghị định không phát sinh tác động đến việc thực thi các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định VKFTA đồng thời đảm bảo tính ổn định của biểu thuế ưu đãi đặc biệt.

Do thay đổi Danh mục từ AHTN 2017 sang AHTN 2022, biểu thuế bao gồm 25 dòng hàng ảnh hưởng bởi việc thay đổi mã hàng, tách gộp dòng. Đối với những dòng hàng này, Bộ Tài chính đã xây dựng thuế suất theo nguyên tắc không làm xói mòn cam kết quốc tế.

Các nhóm hàng chính có bị ảnh hưởng thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế AKFTA theo AHTN 2017 là: Chế phẩm ngũ cốc (Chương 19), Sơn - véc ni (Chương 32), plastic và sản phẩm bằng plastic (Chương 39), Giấy bìa (Chương 48), Quần áo (Chương 62), Sắt thép (Chương 72), sản phẩm bằng sắt, thép (Chương 73), Máy điện, thiết bị điện (Chương 85), bộ phận xe (Chương 87), Nhà lắp ghép (Chương 94).

Trong đó, các nhóm hàng chính thực hiện tách dòng 10 số khi chuyển đổi Biểu thuế AKFTA theo AHTN 2017 là: Chiết suất malt (Nhóm 1901), Sơn - véc ni (Nhóm 3208, 3209), plastic và sản phẩm bằng plastic (Nhóm 3906, 3919, 3920), Giấy bìa (Nhóm 4802), Áo khoác (Nhóm 6201), Sắt thép (Nhóm 7213), Ống sắt thép (Nhóm 7306), Kết cấu (Nhóm 7308), sản phẩm bằng sắt, thép khác (7326), Mô-đun hiện thị (Nhóm 8524), bộ phận xe (Nhóm 8704, 8708), Nhà lắp ghép (Nhóm 9406).

- Kim ngạch nhập khẩu của các nhóm hàng này giai đoạn 2018-2021 vào khoảng 38 tỷ USD (chiếm 77% tổng nhập khẩu từ Hàn Quốc năm 2021). Mức

thuế suất từ 0% đến 17%).

- Theo đánh giá của Bộ Tài chính, thuế suất cam kết trong VKFTA cho giai đoạn 2022 - 2027 không thay đổi lớn, thuế suất trung bình toàn biểu giảm từ 3,8% xuống 3,78%. Nếu giả định tỉ lệ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong khuôn khổ Hiệp định VKFTA là tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc bình quân giai đoạn 2018-2021 (tương đương với tăng 6%/năm); Tỷ lệ sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) là 3,62% theo tỷ lệ trung bình thực tế đạt được cho giai đoạn 2018-2021 thì tổng thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam của những nhóm hàng chịu tác động điều chỉnh sẽ giảm/tăng không đáng kể khoảng.

Tác động tăng/giảm thu ngân sách cho từng giai đoạn cắt giảm thuế quan đã được đánh giá vào thời điểm đàm phán lộ trình giảm thuế khi ký kết các FTA, đồng thời cũng được đánh giá tổng thể trong dự toán ngân sách hàng năm./.